

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính sách đặc thù về
di dân, tái định cư các Dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số
71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số
95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;*

*Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ
tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi,
thủy điện được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
489/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 và tổng hợp ý kiến Thành viên Ủy
ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2340/VP-NNXD ngày 28/5/2026 của Văn
phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính
sách đặc thù về di dân, tái định cư các Dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính sách đặc
thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định
tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 11;
điểm c khoản 1 Điều 12; điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 16 Quyết
định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về
chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được sửa
đổi, bổ sung bởi Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, làm công tác
di dân, tái định cư các dự án thủy lợi; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng
mặt bằng;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi thực hiện các dự án thủy lợi.

2. Đối với quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư:

a) Hộ gia đình sau tái định cư và hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện các dự án thủy lợi;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi.

Điều 3. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Nguồn vốn hỗ trợ tái định cư: Thực hiện theo Điều 15 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguồn vốn hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Điều 4. Hỗ trợ tái định cư

1. Hỗ trợ sản xuất theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg:

a) Hỗ trợ 03 năm kinh phí khuyến nông cho hộ tái định cư được giao đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo và đất khai hoang, bao gồm: hỗ trợ giống, vật tư sản xuất, một phần chi phí cải tạo đất và chuyển giao kỹ thuật, nhằm giúp hộ tái định cư từng bước đưa đất xấu, đất khai hoang vào sản xuất ổn định, bền vững. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo chính sách hiện hành về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau (mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 01 lần).

b) Hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, điểm tái định cư được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi; mức hỗ trợ là 2.000 đồng cho một m² đất thu hồi.

2. Hỗ trợ khác theo khoản 1, 3 và 4 Điều 11 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg:

a) Hỗ trợ tham quan điểm tái định cư:

- Hỗ trợ một lần 100% kinh phí tham quan điểm tái định cư cho 01 người đại diện hộ tái định cư gồm: Chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan.

- Việc tổ chức tham quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức. Chi phí cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Thương 01 lần cho mỗi hộ tái định cư thực hiện việc di chuyển sớm hơn tiến độ quy định của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư ít nhất 10 ngày; mức thưởng 5.000.000 đồng/hộ.

c) Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mả được hỗ trợ 01 lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống; mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ.

3. Hạn mức giao đất ở, đất sản xuất theo điểm c khoản 1 Điều 12 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg:

a) Mỗi hộ đến điểm tái định cư tập trung nông thôn, thuộc đối tượng có đất sản xuất bị thu hồi không còn diện tích để sản xuất, được giao đất ở và đất để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Hạn mức giao đất, thực hiện theo quy định hiện hành về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất chưa sử dụng và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Riêng hạn mức giao đất ở tái định cư tập trung nông thôn theo quy định hiện hành.

b) Mỗi hộ đến điểm tái định cư tập trung đô thị được giao 01 lô đất tại điểm tái định cư để ở. Diện tích lô đất theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư

1. Hỗ trợ hai lần tiền mua giống gia cầm và thủy sản hoặc một lần tiền mua giống gia súc theo điểm c khoản 1 Điều 16 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Hỗ trợ hộ nghèo theo điểm d khoản 1 Điều 16 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm. Mức vay được hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng/hộ.

3. Các hộ được giao đất trồng rừng sản xuất theo điểm b khoản 2 Điều 16 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được hỗ trợ một lần 10.000.000 đồng cho một ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến nội dung Quyết định này đến tổ chức, cá nhân có liên quan biết để thực hiện.

b) Hàng năm, tổng hợp danh mục, dự toán kinh phí dự án đầu tư ổn định đời

sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

c) Theo dõi việc thực hiện các quy định về mức hỗ trợ cụ thể thực hiện chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi tại Quyết định này.

2. Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Sở Tài chính tổng hợp danh mục, kinh phí dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư hàng năm theo dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ theo Quyết định này để người dân trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Quyết định này trên địa bàn quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NN-XD (Lợi);
- Lưu: VT, TH303/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử